

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai tình hình quản lý, sử dụng và mua sắm tài sản công năm 2024 của Trung tâm y tế huyện Hải Hà

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HẢI HÀ

Căn cứ Luật Quản lý sử dụng tài sản công năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính Phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính Phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính Phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện Hải Hà trực thuộc Sở Y tế Quảng Ninh;

Theo đề nghị của Phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ - Tài chính – Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai tình hình quản lý, sử dụng và mua sắm tài sản công năm 2024 của Trung tâm y tế huyện Hải Hà theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Hình thức công khai: Đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Trung tâm y tế huyện Hải Hà.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4: Các ông, bà: Trưởng các Khoa, Phòng, Trạm Y tế, bộ phận có liên quan thuộc Trung tâm Y tế căn cứ quyết định thực hiện./. 

Nơi nhận:

- Như điều 4 (thực hiện);
- Lưu: VT; KHN-V-TCKT.


GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thành Lam

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2024

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, chiết mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, chiết mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm						8.762.540						
3	Xe ô tô						968.000						
	Xe ô tô cứu thương	Chiếc	1	FORD	Trung Quốc	2024	968.000	Đấu thầu					
4	Tài sản cố định khác						7.794.540						
	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	1			2024	3.192.000	Đấu thầu					
	Kính hiển vi quang học có camera	Cái	1			2024	300.860	Đấu thầu					
	Máy đo độ loãng xương bằng X-quang	Máy	1		Hàn Quốc	2024	1.593.680	Đấu thầu					
	Máy gây mê	Máy	1			2024	988.000	Đấu thầu					
	Máy hấp tiết trung (Nồi hấp ướn tiết trung)	Máy	1		Đài Loan	2024	376.000	Đấu thầu					
	Máy laser CO2	Cái	1		Việt Nam	2024	82.500	Đấu thầu					
	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	1		Mỹ	2024	144.000	Đấu thầu					
	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	1		Mỹ	2024	144.000	Đấu thầu					
	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	1		Mỹ	2024	144.000	Đấu thầu					
	Máy thở	Máy	1		Đức	2024	450.000	Đấu thầu					
	Máy tính để bàn	Bộ	1				12.650						

[illegible]

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Máy tính để bàn	Bộ	1				12.650						
	Máy tính để bàn	Bộ	1				12.650						
	Máy tính để bàn	Bộ	1				12.650						
	Máy tính để bàn	Bộ	1				12.650						
	Tổng cộng						8.762.540						

Ngày 14 tháng 3 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

(Signature)

Nguyễn Hồng Bình

Nguyễn Thành Lam

Bộ, tỉnh: Tỉnh Quảng Ninh

Cơ quan quản lý cấp trên: UBND Huyện Hải Hà

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trung tâm Y tế huyện Hải Hà

Mã đơn vị: 1123948

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Năm 2024

STT	Đanh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất										Công khai về nhà										Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)					Năm sử dụng	Tổng diện tích sản phẩm sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Trụ sở làm việc	Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sản phẩm sử dụng (m2))					Sử dụng khác			
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp						Nguyên giá	Giá trị còn lại		Hoạt động sự nghiệp								
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết						Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Đất TTY xã Quảng Long tại Xã Quảng Long - Huyện Hải Hà - Tỉnh Quảng Ninh	1.428	500.080		1.428																	
2	Đất TYT thị trấn Quảng Hà tại Lý Thường Kiệt, thị trấn Quảng Hà, Hải Hà, Quảng Ninh	373	559.650		373																	
3	Đất TYT thị trấn Quảng Hà (Khu A), Phân trạm Quảng Điện tại Thị trấn Quảng Hà, Hải Hà, Quảng Ninh	1.675	387.820		1.675																	
4	Đất TYT thị trấn Quảng Hà (Khu B), Phân trạm Quảng Điện tại Thị trấn Quảng Hà, Hải Hà, Quảng Ninh	246	177.120		246																	

STT		Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất										Công khai về nhà										Ghi chú
			Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sản sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sản sử dụng (m2))								
					Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp		Sử dụng khác	Nguyên giá	Giá trị còn lại			Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác					
						Không kinh doanh	Kinh doanh							Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Không kinh doanh	Kinh doanh		Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22		
	Đất TYT xã Cải Chiến tại Xã Cải Chiên - Huyện Hải Hà - Tỉnh Quảng Ninh	1.078	107.860		1.078																		
5	Đất TYT xã Đường Hoa tại Xã Đường Hoa - Huyện Hải Hà - Tỉnh Quảng Ninh	1.360	204.000		1.360																		
6	Đất TYT xã Đường Hoa tại Xã Đường Hoa - Huyện Hải Hà - Tỉnh Quảng Ninh	1.360	204.000		1.360																		
7	Đất TYT xã Quảng Chính tại Xã Quảng Chính - Huyện Hải Hà - Huyện Hải Hà	1.530	1.224.000		1.530																		
8	Đất TYT xã Quảng Đức tại Khay Phẫu, Quảng Đức, Hải Hà, Quảng Ninh	1.207	362.370		1.207																		
9	Đất TYT xã Quảng Đức (Mốc 13) tại Mốc 13, xã Quảng Đức, Hải Hà, Quảng Ninh	535	107.160		535																		
10	Đất TYT xã Quảng Minh tại Quảng Minh, Hải Hà, Quảng Ninh	1.457	728.700		1.457																		
11	Đất TYT xã Quảng Phong tại Xã Quảng Phong - Huyện Hải Hà- Tỉnh Quảng Ninh	1.740	261.015		1.740																		

STT		Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất										Công khai về nhà										Ghi chú
			Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)					Năm sử dụng	Tổng diện tích sản sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác			
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại		Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22		
12	Đất TYT xã Quảng Sơn tại Xã Quảng Sơn - Huyện Hải Hà - Tỉnh Quảng Ninh	793	79.360		793																		
13	Đất TYT xã Quảng Thành tại Hải Thành, Quảng Thành, Hải Hà, Quảng Ninh	1.095	219.160		1.095																		
14	Đất TYT xã Quảng Thịnh tại Xã Quảng Thịnh -Xã Quảng Thịnh - Tỉnh Quảng Ninh	2.140	321.015		2.140																		
15	Đường dốc									2009	15	498.824				15							
16	Khoa truyền nhiễm									2009	259	889.208				259							
17	Nhà bảo vệ, công, hàng rào									2020	12	1.145.090	763.203			12							
18	Nhà Căng tin									2020	25	96.964	64.627				25						
19	Nhà cầu									2000	20	417.971				20							
20	Nhà đặt máy bơm nước thải									2020	32	232.958	155.267			32							
21	Nhà đặt máy phát điện									2020	32	256.005	170.627			32							
22	Nhà để hệ thống khí nén									2019	23	97.570	58.522								Sử dụng khác: 23		
23	Nhà điều trị 8 tầng									2020	12.545	88.804.431	79.923.988			12.545							

STT		Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất										Công khai về nhà										Ghi chú
			Diện tích (m ²)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m ²)							Năm sử dụng	Tổng diện tích sản sử dụng (m ²)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sản sử dụng (m ²))							
					Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp			Sử dụng khác	Nguyên giá	Giá trị còn lại			Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác				
						Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê							Liên doanh, liên kết	Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê		Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22		
24	Nhà điều trị bệnh nhân Ngoại - sản									2000	1.432	2.138.736	1.117.538		1.432								
25	Nhà dinh dưỡng									2009	227	1.214.528			227								
26	Nhà Dược									2001	140	667.842			140								
27	Nhà gara xe máy và nhà đặt máy bơm									2020	545	682.595	454.950		545								
28	Nhà giải phẫu bệnh lý kiêm nhà tang lễ									2020	315	2.481.566	1.653.963		315								
29	Nhà khám DKHC nghiệp vụ									1998	1.171	2.763.594			1.171								
30	Nhà kỹ thuật nghiệp vụ									2000	822	2.294.111	910.514		822								
31	Nhà lây									2001	251	529.880			251								
32	Nhà sản - mổ									2009	746	4.848.742	2.198.784		746								
33	Nhà tạm - Khám bệnh									2018	1	730.756	388.900		1								
34	Nhà tạm - Kiểm soát nhiễm khuẩn									2019	95	96.859	58.096		95								
35	Nhà Thuốc									2019	15	98.490	59.074				15						
36	TYT thị trấn Quảng Hà									2010	168	2.424.933			168								
37	TYT thị trấn Quảng Hà (Khu A+B), Phân trạm Quảng Điện									2006	325	911.000			325								
38	TYT xã Cái Chiên									2010	313	2.068.317			313								
39	TYT xã Đường Hoa									2010	362	1.867.381			362								

STT		Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất										Công khai về nhà										Ghi chú
			Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)					Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))					Sử dụng khác					
					Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp							Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp									
						Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết					Sử dụng hỗn hợp	Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê		Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22		
40	TYT xã Quảng Chính									2006	217	2.814.000			217								
41	TYT xã Quảng Đức									2006	216	1.453.680			216								
42	TYT xã Quảng Đức (Mốc 13)									2006	122	10.000			122								
43	TYT xã Quảng Long									2006	266	1.211.000			266								
44	TYT xã Quảng Minh									2010	197	2.876.032			197								
45	TYT xã Quảng Phong									2009	252	1.894.000			252								
46	TYT xã Quảng Sơn									2006	280	1.104.540			280								
47	TYT xã Quảng Thành									2006	348	740.490			348								
48	TYT xã Quảng Thịnh									2010	338	2.304.816			338								
	Tổng cộng:	16.657	5.239.310		16.657						22.127	132.666.909	87.978.053		22.064		40				23		

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Nguyễn Hồng Linh

Ngày 19 tháng 5 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Thành Lam

Bộ, tỉnh: Tỉnh Quảng Ninh
Cơ quan quản lý cấp trên: UBND Huyện Hải Hà
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trung tâm Y tế huyện Hải Hà
Mã đơn vị: 1123948
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC

Năm 2024

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo số kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Xe ô tô		3	2.388.517	2.388.517		1.197.711							
1	FORD - BKS 14A - 02159	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	968.000	968.000		903.434			x				
2	MITSUBISHI - BKS 14A-00013	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	1.035.517	1.035.517		114.712			x				
3	TRUONG HAI - BKS 14C-20160	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	385.000	385.000		179.564			x				
II	Tài sản cố định khác		1.129	213.525.395	175.759.798	37.765.597	63.400.376							
1	Máy khí dung siêu âm	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	14.800	14.800					x				
2	Máy khí dung siêu âm	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	14.800	14.800					x				
3	Máy khí nén dùng cho máy thở	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	70.000	70.000									
4	Máy khuấy từ	Khoa Cận lâm sàng	1	41.383	41.383		15.518			x	x			
5	Máy kích thích điện đa năng	Khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	1	95.465	95.465									
6	Máy lắc IKA	Khoa Cận lâm sàng	1	101.604	101.604		38.101			x	x			
7	Máy laser châm cứu	Khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	1	62.000		62.000	46.500				x			
8	Máy laser CO2	Bộ phận Nội	1	82.500	82.500		72.188			x	x			
9	Máy laser điều trị	Khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	1	65.000		65.000	48.750			x	x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
10	Máy laser tán sỏi	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	1.880.000	1.880.000		313.333			x	x			
11	Máy lọc máu liên tục	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	1.170.000	1.170.000		195.000			x	x			
12	Máy ly tâm 12 ống DLAB	Khoa Cận lâm sàng	1	12.000	12.000		6.400			x	x			
13	Máy mài cắt kính SIG5189	Khoa Liên chuyên khoa	1	39.000	39.000		16.380			x	x			
14	Máy may công nghiệp 1 kim JUKI	Khoa Chẩn đoán khuẩn	1	9.500	9.500		2.613			x				
15	Máy nghe tim thai	Trạm y tế thị trấn Quảng Hà	1	13.000	13.000		8.357			x				
16	Máy nghe tim thai	Trạm y tế xã Quảng Chính	1	13.000	13.000					x				
17	Máy nghe tim thai	Trạm y tế thị trấn Quảng Hà	1	13.000	13.000					x				
18	Máy nghe tim thai	Trạm y tế xã Quảng Đức	1	13.000	13.000					x				
19	Máy nghe tim thai	Trạm y tế xã Cái Chiên	1	15.050	15.050		9.675			x				
20	Máy nghe tim thai	Trạm y tế xã Quảng Sơn	1	15.050	15.050		6.321			x				
21	Máy nghe tim thai	Trạm y tế xã Quảng Minh	1	15.050	15.050		6.321			x				
22	Máy nghe tim thai	Trạm y tế xã Quảng Thành	1	15.050	15.050		9.675			x				
23	Máy nghe tim thai	Trạm y tế xã Quảng Chính	1	15.050	15.050		9.675			x				
24	Máy nghe tim thai	Trạm y tế xã Quảng Long	1	15.050	15.050		8.027			x				
25	Máy nghe tim thai	Trạm y tế xã Quảng Long	1	15.050	15.050		9.675			x				
26	Máy nghe tim thai	Trạm y tế xã Quảng Thịnh	1	15.050	15.050		8.027			x				
27	Máy khí dung siêu âm	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	14.800	14.800					x				
28	Máy khí dung siêu âm	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	14.800	14.800					x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguyên khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
29	Máy khí dung siêu âm	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	13.950	13.950									
30	Máy in nhiệt siêu âm	Trạm y tế xã Quảng Đức	1	16.872	16.872					x				
31	Máy hút dịch	Trạm y tế xã Quảng Thành	1	19.908	19.908					x				
32	Máy hút dịch	Trạm y tế xã Quảng Đức	1	19.908	19.908					x				
33	Máy hút dịch	Trạm y tế xã Quảng Phong	1	16.590	16.590					x				
34	Máy hút dịch	Trạm y tế xã Đường Hoa	1	16.590	16.590					x				
35	Máy hút dịch	Trạm y tế xã Đường Hoa	1	16.590	16.590					x				
36	Máy hút dịch	Trạm y tế xã Quảng Thịnh	1	16.590	16.590					x				
37	Máy hút dịch	Trạm y tế xã Quảng Minh	1	16.590	16.590					x				
38	Máy hút dịch	Trạm y tế xã Quảng Long	1	16.590	16.590		2.765			x				
39	Máy hút dịch	Trạm y tế xã Đường Hoa	1	16.590	16.590					x				
40	Máy hút dịch	Trạm y tế xã Quảng Chính	1	16.590	16.590					x				
41	Máy hút dịch	Trạm y tế xã Quảng Sơn	1	16.590	16.590					x				
42	Máy hút dịch 1 bình	Khoa Dược	1	18.200	18.200									
43	Máy nghe tim thai	Trạm y tế xã Quảng Phong	1	15.050	15.050		9.675			x				
44	Máy hút dịch 1 bình sơ sinh	Khoa Khám bệnh	1	16.000	16.000									
45	Máy hút dịch chạy điện liên tục áp lực thấp	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	19.600	19.600									
46	Máy hút điện	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	21.700	21.700									
47	Máy huyết học tự động (33 thông số)	Khoa Cận lâm sàng	1	630.881	630.881		189.264			x		x		
48	Máy in Canon LBP 161dn	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	6.300	6.300				x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngành đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
49	Máy in nhiệt siêu âm	Trạm y tế xã Quảng Chính	1	16.872	16.872					x				
50	Máy in nhiệt siêu âm	Trạm y tế xã Quảng Thành	1	16.872	16.872					x				
51	Máy in nhiệt siêu âm	Trạm y tế xã Quảng Long	1	16.872	16.872					x				
52	Máy in nhiệt siêu âm	Trạm y tế xã Quảng Phong	1	16.872	16.872		2.812			x				
53	Máy in nhiệt siêu âm	Trạm y tế xã Quảng Thịnh	1	16.872	16.872					x				
54	Máy in nhiệt siêu âm	Trạm y tế xã Cải Chiến	1	16.872	16.872					x				
55	Máy in nhiệt siêu âm	Trạm y tế xã Quảng Sơn	1	16.872	16.872		2.812			x				
56	Máy in nhiệt siêu âm	Trạm y tế xã Đường Hoa	1	16.872	16.872					x				
57	Máy hút dịch áp lực thấp	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	15.600	15.600		8.320			x	x			
58	Máy nghe tim thai	Trạm y tế xã Quảng Sơn	1	15.050	15.050		9.675			x				
59	Máy nghe tim thai	Trạm y tế xã Quảng Thịnh	1	15.050	15.050		8.027			x				
60	Máy hút dịch	Trạm y tế thị trấn Quảng Hà	1	19.908	19.908					x				
61	Máy quét tài liệu HP	Phòng Tài chính kế toán	1	11.690	11.690									
62	Máy rửa quả lọc (Máy chạy thận)	Khoa Chống nhiễm khuẩn	1	71.500	71.500									x
63	Máy sàng lọc thính lực	Khoa Liên chuyên khoa	1	185.671	185.671		46.418			x	x			
64	Máy sấy công nghiệp	Khoa Chống nhiễm khuẩn	1	188.700	188.700									
65	Máy sấy đồ vải	Khoa Chống nhiễm khuẩn	1	381.222		381.222	171.550			x	x			
66	Máy siêu âm điều trị đa tần	Khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	1	77.220	77.220									
67	Máy siêu âm Doppler màu 4D (4 đầu dò)	Khoa Sản	1	2.099.268	2.099.268		629.780			x	x			
68	Máy siêu âm màu 4D	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	2.039.000	2.039.000						x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
69	Máy siêu âm màu 4D	Khoa Cận lâm sàng	1	1.952.797	1.952.797		488.199			x	x			
70	Máy siêu âm màu 4D (4 đầu dò, có đầu dò Sector)	Khoa Sản	1	2.000.000	2.000.000		333.333			x	x			
71	Máy siêu âm nhân khoa	Khoa Liên chuyên khoa	1	483.550	483.550		120.887			x	x			
72	Máy siêu âm tổng quát (4D màu, 4 đầu dò)	Khoa Sản	1	1.610.000	1.610.000		1.207.500		x					
73	Máy phun phòng dịch ULV đeo vai cấu hình 3	Khoa Kiểm soát dịch bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm	1	10.000	10.000		4.200			x				
74	Máy siêu âm xách tay	Trạm y tế xã Đường Hoa	1	171.943	171.943					x				
75	Máy siêu âm xách tay	Trạm y tế xã Cái Chiên	1	171.943	171.943					x				
76	Máy siêu âm xách tay	Trạm y tế xã Quảng Sơn	1	192.958	192.958					x				
77	Máy siêu âm xách tay	Trạm y tế xã Quảng Long	1	171.943	171.943					x				
78	Máy siêu âm xách tay	Trạm y tế xã Quảng Chính	1	171.943	171.943					x				
79	Máy siêu âm xách tay	Trạm y tế xã Quảng Đức	1	192.958	192.958					x				
80	Máy siêu âm xách tay	Trạm y tế xã Quảng Thành	1	192.958	192.958					x				
81	Máy siêu âm xách tay	Trạm y tế xã Quảng Thịnh	1	171.943	171.943					x				
82	Máy sốc điện	Khoa Khám bệnh	1	252.934	252.934		63.233			x	x			
83	Máy soi bóng đồng tử	Khoa Liên chuyên khoa	1	18.480	18.480		7.762				x			x
84	Máy soi cổ tử cung	Khoa Sản	1	106.500	106.500						x			
85	Máy tạo Oxy di động	Trạm y tế thị trấn Quảng Hà	1	25.000	25.000		4.167			x				
86	Máy tạo Oxy di động	Trạm y tế xã Cái Chiên	1	25.000	25.000		4.167			x				
87	Máy siêu âm xách tay	Trạm y tế xã Quảng Phong	1	192.958	192.958					x				
88	Máy phun hóa chất	Khoa Kiểm soát dịch bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm	1	38.740	38.740					x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
89	Máy phun chống dịch ULV	Khoa Kiểm soát dịch bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm	1	62.623	62.623		15.656			x				
90	Máy phun chống dịch ULV	Khoa Kiểm soát dịch bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm	1	62.623	62.623		15.656			x				
91	Máy nghe tim thai	Trạm y tế xã Đường Hoa	1	15.050	15.050		8.027			x				
92	Máy nghe tim thai	Trạm y tế xã Quảng Phong	1	15.050	15.050		8.027			x				
93	Máy nội soi cổ tử cung	Khoa Sản	1	469.085	469.085		117.271			x	x			
94	Máy phân tích đông máu tự động	Khoa Cận lâm sàng	1	96.000	96.000		40.320			x	x			
95	Máy phân tích HbA1c tự động	Khoa Cận lâm sàng	1	95.000		95.000	61.071			x	x			
96	Máy phân tích huyết học tự động	Khoa Cận lâm sàng	1	98.000		98.000	52.267			x	x			
97	Máy phân tích khí máu	Khoa Cận lâm sàng	1	374.000	374.000					x				
98	Máy phân tích nước tiểu tự động 10 thông số	Khoa Cận lâm sàng	1	22.080	22.080									
99	Máy phân tích nước tiểu tự động 10 thông số	Khoa Cận lâm sàng	1	21.000	21.000									
100	Máy phát điện	Trạm y tế thị trấn Quảng Hà	1	44.063	44.063					x				
101	Máy phát điện	Trạm y tế xã Cải Chiên	1	44.063	44.063					x				
102	Máy phát điện	Trạm y tế xã Đường Hoa	1	44.063	44.063					x				
103	Máy phát điện	Trạm y tế xã Quảng Đức	1	44.063	44.063					x				
104	Máy phát điện	Trạm y tế xã Quảng Phong	1	44.063	44.063					x				
105	Máy phát điện	Trạm y tế xã Quảng Minh	1	44.063	44.063					x				
106	Máy phát điện	Trạm y tế xã Quảng Sơn	1	44.063	44.063					x				
107	Máy phát điện	Trạm y tế xã Quảng Chính	1	44.063	44.063					x				
108	Máy phát điện	Trạm y tế xã Quảng Thanh	1	44.063	44.063					x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
109	Máy phát điện	Trạm y tế xã Quảng Thịnh	1	44.063	44.063				x					
110	Máy phát điện >100 KVA	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	909.298	909.298						x			
111	Máy phát điện công suất liên tục 450/360KVA	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	1.446.801	1.446.801		542.550		x					
112	Máy phôtô tô copy Sharp MX M452N	Phòng Kế hoạch	1	98.600	98.600									
113	Máy Photo copy Sharp AR - 6031 N	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	75.000	75.000									x
114	Máy Photocopy	Phòng Dân số	1	54.600	54.600				x					
115	Máy photocopy	Phòng Kế hoạch	1	66.320	66.320	66.320	39.792		x					
116	Máy photocopy Fuji Xerox Docucentre	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	74.900	74.900				x		x			
117	Máy Photocopy Sharp	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	39.270	39.270									
118	Máy nghe tim thai	Trạm y tế xã Quảng Minh	1	15.050	15.050		9.675			x				
119	Máy hút dịch	Trạm y tế xã Cái Chiên	1	19.908	19.908		10.618			x				
120	Máy hút 2 bình	Khoa Dược	1	25.000	25.000									
121	Máy tạo Oxy di động	Trạm y tế xã Đường Hoa	1	25.000	25.000					x				
122	Kính hiển vi 2 mắt	Khoa Cận lâm sàng	1	75.075	75.075		22.523			x	x			
123	Kính hiển vi 2 mắt	Trạm y tế xã Đường Hoa	1	24.002	24.002					x				
124	Kính hiển vi 2 mắt	Trạm y tế xã Quảng Thịnh	1	24.002	24.002					x				
125	Kính hiển vi 2 mắt	Trạm y tế xã Quảng Phong	1	24.002	24.002					x				
126	Kính hiển vi phẫu thuật mắt	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	1.261.569	1.261.569		315.392			x				
127	Kính hiển vi quang học có camera	Khoa Cận lâm sàng	1	300.860	300.860		263.253			x	x			
128	Kính hiển vi quang học có khả năng kết nối Camera	Khoa Cận lâm sàng	1	85.000	85.000	85.000	45.333				x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
129	Kính lúp soi nổi	Khoa Cận lâm sàng	1	50.061	50.061		15.018			x	x				
130	Kính lúp soi nổi	Khoa Cận lâm sàng	1	50.061	50.061		15.018				x	x			
131	Lồng ấp trẻ sơ sinh	Bộ phận Nhi	1	231.000	231.000										
132	Lồng ấp trẻ sơ sinh	Bộ phận Nhi	1	178.500	178.500										
133	Lưu điện online 6KVA	Bộ phận Công nghệ thông tin	1	52.283	52.283				x						
134	Kính hiển vi 2 mắt	Trạm y tế thị trấn Quảng Hà	1	24.002	24.002						x				
135	Màn hình Ti vi Led	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	94.600	94.600				x						
136	Máy bơm nước sinh hoạt 15KW	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	53.821	53.821		20.183		x						
137	Máy bơm nước sinh hoạt 15KW	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	53.821	53.821		20.183		x						
138	Máy cắt bệnh phẩm trong phẫu thuật nội soi (có chức năng xay bệnh phẩm)	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	320.000	320.000		205.714		x		x				
139	Máy cấy máu	Khoa Cận lâm sàng	1	822.448	822.448		205.612			x	x				
140	Máy chạy thận nhân tạo	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	520.628	520.628		182.220			x	x				
141	Máy chạy thận nhân tạo	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	520.628	520.628		182.220			x	x				
142	Máy chạy thận nhân tạo	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	520.628	520.628		182.220			x	x				
143	Máy chạy thận nhân tạo	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	451.800	451.800					x					
144	Máy chạy thận nhân tạo	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	482.000	482.000										
145	Máy chạy thận nhân tạo	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	482.000	482.000										
146	Máy chạy thận nhân tạo	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	482.000	482.000										
147	Máy chiếu sony	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	21.000	21.000										

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
148	Máy biến áp phân phối 3 pha 630KVA-22/0.4KV	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	550.016	550.016		206.256		x					
149	Kính hiển vi 2 mắt	Trạm y tế xã Đường Hoa	1	24.002	24.002					x				
150	Kính hiển vi 2 mắt	Khoa Cận lâm sàng	1	75.075	75.075		22.523			x	x			
151	Kính hiển vi 2 mắt	Trạm y tế xã Quảng Long	1	24.002	24.002					x				
152	Hệ thống khám nội soi TMH	Khoa Liên chuyên khoa	1	850.000	850.000		141.667			x	x			
153	Hệ Thống Khí Oxy Toàn Bệnh Viện	Khoa Dược	1	2.575.511	2.575.511									x
154	Hệ thống khí y tế, khí sạch phòng mổ	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	13.326.043	13.326.043		4.997.266		x					
155	Hệ thống lấy số xếp hàng tự động	Khoa Khám bệnh	1	88.200	88.200									
156	Hệ thống mạng LAN toàn bệnh viện	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	1.096.308	1.096.308									x
157	Hệ thống máy chụp cộng hưởng từ ≥ 0.3T	Khoa Cận lâm sàng	1	14.950.322		14.950.322	5.232.613			x	x			
158	Hệ thống monitor theo dõi bệnh nhân trung tâm	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	1.031.057		1.031.057	386.646			x	x			
159	Hệ thống nội soi tiết niệu ống mềm	Khoa Cận lâm sàng	1	2.182.173	2.182.173		545.543			x	x			
160	Hệ thống nội soi tiêu hóa	Khoa Cận lâm sàng	1	3.048.016	3.048.016		762.004			x	x			
161	Hệ thống nội soi tiêu hóa	Khoa Cận lâm sàng	1	2.850.000	2.850.000		2.137.500		x					
162	Hệ thống nước RO - Nhà điều trị 8 tầng	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	155.601	155.601		58.351		x					
163	Hệ thống nước RO cho thận nhân tạo công suất 800 Lit/giờ	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	1.824.760	1.824.760		547.428			x	x			
164	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	3.192.000	3.192.000		2.793.000			x	x			
165	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	5.051.219	5.051.219		1.894.207		x					
166	Hệ thống rửa tay phẫu thuật viên	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	185.962		185.962	65.087			x	x			
167	Hệ thống sân đường	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	2.884.695	2.884.695		1.442.348							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)					Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
168	Hệ thống thoát nước mưa	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	1.026.412	1.026.412		513.206								
169	Hệ thống thoát nước thải	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	300.151	300.151		150.075								
170	Hệ thống truyền hình	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	168.793	168.793		63.297		x						
171	Hệ thống xử lý ảnh X-Quang số hóa (CR)	Khoa Cận lâm sàng	1	1.926.960	1.926.960							x			
172	Hệ thống xử lý chất thải rắn y tế công nghệ vi sóng tích hợp nghiền cắt	Khoa Chẩn đoán khuẩn	1	8.480.000	8.480.000					x					
173	Hệ thống xử lý nước RO	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	375.000	375.000										
174	Hệ thống xử lý nước thải	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	7.688.042	7.688.042		3.844.021								
175	Hệ thống xử lý nước thải Y tế	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	6.500.000	6.500.000		2.730.000			x		x			
176	Kim kẹp clip polymer cỡ XL	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	50.000	50.000										
177	Kính hiển vi 2 mắt	Trạm y tế xã Quảng Thành	1	24.002	24.002					x					
178	Kính hiển vi 2 mắt	Trạm y tế xã Quảng Minh	1	24.002	24.002						x				
179	Máy chiếu thư thị lực	Khoa Liên chuyên khoa	1	33.600	33.600		14.112			x		x			
180	Máy hút dịch	Bộ phận Truyền nhiễm	1	24.150	24.150		12.880			x			x		
181	Máy chủ (PACS)	Bộ phận Công nghệ thông tin	1	193.865	193.865				x						
182	Máy chụp X-quang cận chụp cảm tay	Khoa Liên chuyên khoa	1	49.000	49.000		14.700			x		x			
183	Máy đo chiều dài ống tủy	Khoa Liên chuyên khoa	1	20.580		20.580	15.435				x		x		
184	Máy đo chức năng hô hấp	Khoa Cận lâm sàng	1	160.000	160.000										
185	Máy đo độ bão hòa oxy cầm tay (kẹp tay)	Khoa Khám bệnh	1	13.500	13.500		7.200					x			
186	Máy đo độ loãng xương bằng X-quang	Khoa Cận lâm sàng	1	1.593.680	1.593.680		1.394.470			x		x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
187	Máy đo huyết áp tự động	Khoa Sản	1	64.000	64.000		19.200			x	x			
188	Máy đo huyết áp tự động	Khoa Khám bệnh	1	64.000	64.000		19.200			x	x			
189	Máy đo huyết áp tự động	Khoa Khám bệnh	1	64.000	64.000		19.200			x	x			
190	Máy đo huyết áp tự động	Khoa Khám bệnh	1	64.000	64.000		19.200			x	x			
191	Máy đo khúc xạ tự động	Khoa Liên chuyên khoa	1	235.575	235.575		58.894			x	x			
192	Máy đo lực bóp tay điện tử	Khoa Khám bệnh	1	17.000	17.000									
193	Máy đo lực lưng và chân	Khoa Khám bệnh	1	31.000	31.000									
194	Máy đo nồng độ cồn trong hơi thở	Khoa Cận lâm sàng	1	65.000	65.000									
195	Máy đo bão hòa oxy cầm tay	Bộ phận Nhi	1	18.500	18.500		7.770			x	x			
196	Máy đo nồng độ oxy trong máu sơ sinh	Khoa Sản	1	15.000	15.000									
197	máy đốt điện cổ tử cung	Khoa Sản	1	41.000	41.000									
198	Máy gây mê	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	988.000	988.000		864.500			x	x			
199	Máy gây mê kèm thở	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	850.000	850.000					x				
200	Máy gây mê kèm thở	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	857.577	857.577		214.394			x	x			
201	Máy giặt công nghiệp	Khoa Chống nhiễm khuẩn	1	628.000	628.000									
202	Máy giặt đồ vải	Khoa Chống nhiễm khuẩn	1	722.153		722.153	324.969			x	x			
203	Máy giặt Samsung	Khoa Chống nhiễm khuẩn	1	15.600	15.600					x				
204	Máy giặt Samsung	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	15.090	15.090									x
205	Máy giặt vắt quần áo	Khoa Chống nhiễm khuẩn	1	259.600	259.600									
206	Máy hấp diệt trùng	Khoa Chống nhiễm khuẩn	1	2.158.400		2.158.400	971.280			x	x			
207	Máy hấp diệt trùng	Khoa Chống nhiễm khuẩn	1	35.000	35.000		10.500				x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
208	Máy hấp tiệt trùng (Nồi hấp ướt tiệt trùng)	Phòng Điều Dưỡng	1	376.000	376.000		329.000			x	x			
209	Máy đo tròng kính COT L800	Khoa Liên chuyên khoa	1	21.500	21.500		9.030			x	x			
210	Máy đo bão hòa oxy cầm tay	Bộ phận Nhi	1	18.500	18.500		7.770			x	x			
211	Máy đo bão hòa oxy cầm tay	Khoa Khám bệnh	1	18.500	18.500		7.770			x	x			
212	Máy đo bão hòa oxy cầm tay	Bộ phận Truyền nhiễm	1	18.500	18.500		7.770			x	x			
213	Máy chụp Xquang di động	Khoa Cận lâm sàng	1	720.158	720.158		180.040			x	x			
214	Máy chụp Xquang kỹ thuật số DR	Khoa Cận lâm sàng	1	4.119.061		4.119.061	1.441.671			x	x			
215	Máy chụp Xquang răng	Khoa Cận lâm sàng	1	824.432		824.432	288.551			x	x			
216	Máy điện não đồ	Khoa Cận lâm sàng	1	570.000	570.000									
217	Máy điện tim	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	67.056	67.056		16.764			x	x			
218	Máy điện tim	Khoa Khám bệnh	1	67.056	67.056		16.764			x	x			
219	Máy điện tim	Khoa Cận lâm sàng	1	67.056	67.056		16.764			x				
220	Máy điện tim 3 cần	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	29.885	29.885					x				
221	Máy điện tim 3 kênh	Trạm y tế xã Đường Hoa	1	23.200	23.200					x				
222	Máy điện tim 3 kênh	Trạm y tế xã Quảng Thành	1	23.200	23.200					x				
223	Máy điện tim 3 kênh	Trạm y tế xã Quảng Đức	1	23.200	23.200					x				
224	Máy điện tim 3 kênh	Trạm y tế thị trấn Quảng Hà	1	23.200	23.200					x				
225	Máy điện tim 3 kênh	Trạm y tế xã Quảng Sơn	1	23.200	23.200					x				
226	Máy điện tim 3 kênh	Trạm y tế xã Quảng Minh	1	23.200	23.200					x				
227	Máy điện tim 6 cần	Bộ phận Nội	1	75.000	75.000		31.500			x	x			
228	Máy điện tim 6 cần	Bộ phận Nội	1	75.000		75.000	40.000			x	x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
229	Máy điện xung có chườm nhiệt kết hợp giác hút chân không 2 kênh trị liệu (Máy điện xung - Điện phân)	Khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	1	58.500	58.500		37.607			x	x			
230	Máy điện xung, điện phân với 2 kênh đầu ra độc lập	Khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	1	89.000	89.000		14.833			x	x			
231	Máy điều hòa nhiệt độ	Phòng Dân số	1	10.000	10.000		1.625		x					
232	Máy điều hòa nhiệt độ Daikin	Phòng Tổ chức CB&HCQT	2	24.780	24.780									
233	Máy điều trị điện xung kết hợp giác hút chân không	Khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	1	52.000	52.000		21.840			x	x			
234	Máy điều trị siêu tần	Khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	1	124.800	124.800									
235	Máy điều trị sóng xung kích	Khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	1	67.000		67.000	35.733			x	x			
236	Máy điều trị tần số thấp	Khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	1	69.285	69.285									
237	Máy điều trị tủy	Khoa Liên chuyên khoa	1	26.460		26.460	19.845			x	x			
238	Máy định danh và làm kháng sinh đồ tự động	Khoa Cận lâm sàng	1	1.911.468	1.911.468		477.867			x	x			
239	Máy đo bão hòa oxy cầm tay	Khoa Khám bệnh	1	18.500	18.500		7.770			x	x			
240	Máy chủ (server)	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	255.528	255.528				x					
241	Máy tạo Oxy di động	Trạm y tế xã Quảng Minh	1	25.000	25.000		4.167			x				
242	Máy tạo Oxy di động	Trạm y tế xã Quảng Thịnh	1	25.000	25.000		4.167			x				
243	Hệ thống khám nội soi TMH	Khoa Liên chuyên khoa	1	878.035	878.035		219.509			x	x			
244	Switch 24 cổng 1G hỗ trợ 2 khe cắm quang	Phòng Tổ chức CB&HCQT	10	861.760	861.760				x					
245	Switch trung tâm	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	950.781	950.781				x					
246	Thang máy trọng tải 1000 kg	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	2.006.981	2.006.981		752.618		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
247	Thang máy trọng tải 800kg	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	1.825.939	1.825.939		684.727		x					
248	Thang máy trọng tải 800kg	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	1.825.939	1.825.939		684.727		x					
249	Thiết bị bảo quản lạnh	Khoa Chống nhiễm khuẩn	1	11.500	11.500									
250	Thiết bị chống sét lan truyền	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	758.577	758.577									
251	Thiết bị chuyển mạch	Bộ phận Công nghệ thông tin	1	86.142	86.142				x					
252	Thiết Bị Hội Nghị Truyền Hình HD	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	214.412	214.412									
253	Thiết bị Laser He-Ne trị liệu (Máy Laser điều trị)	Khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	1	72.500		72.500	54.375				x			
254	Thiết bị siêu âm trị liệu đa tần	Khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	1	76.000	76.000		31.920			x		x		
255	Ti Vi LG 32LF (PGD)	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	10.990	10.990									
256	Sân, đường	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	1.052.000	1.052.000									
257	Ti vi LG-LCD 42 ịch Liên doanh LG Việt Nam	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	14.500	14.500									
258	Ti vi Samsung 82 inch	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	76.200	76.200				x			x		
259	Ti vi TCL L75A8	Khoa Khám bệnh	1	32.950	32.950				x					x
260	Tivi LG 47LB561	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	12.990	12.990									
261	Tivi Sharp LC 60 LE 650D2	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	33.880	33.880									
262	Trạm biến áp	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	656.958	656.958							x		
263	Tủ âm -20	Khoa Cận lâm sàng	1	43.669	43.669					x				
264	Tủ âm 53 lít	Khoa Cận lâm sàng	1	40.700	40.700									
265	Tủ an toàn sinh học	Khoa Cận lâm sàng	1	301.672		301.672	105.585			x		x		

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
266	Tủ an toàn sinh học cấp II loại A2, Ký hiệu Puricube, hãng sản xuất: novapro, xuất xứ: Hàn Quốc, Seri: PCB1200-1411211	Khoa Cận lâm sàng	1	247.000	247.000		25.000			x				
267	Tủ Bảo Quản Sanaky 408K	Khoa Cận lâm sàng	1	10.190	10.190									
268	Tủ Bảo Quản Sanaky 408K	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	10.190	10.190									
269	Tủ bảo quản tử thi	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	295.300	295.300									
270	Ti vi Sam Sung 40H5150	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	10.990	10.990									
271	Quạt làm mát	Khoa Khám bệnh	1	12.000	12.000									
272	Quạt làm mát	Khoa Khám bệnh	1	12.000	12.000									
273	Phần mềm quản lý Bệnh Viện_VIMES	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	355.000	355.000									
274	Monitor sản khoa	Khoa Sản	1	37.000	37.000		15.540			x	x			
275	Monitor theo dõi bệnh nhân	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	185.704		185.704	69.639			x	x			
276	Monitor theo dõi bệnh nhân	Khoa Ngoại	1	185.981	185.981		46.495			x	x			
277	Monitor theo dõi bệnh nhân	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	185.704		185.704	69.639			x	x			
278	Monitor theo dõi bệnh nhân	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	185.704		185.704	69.639			x	x			
279	Monitor theo dõi bệnh nhân	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	220.000	220.000					x				
280	Monitor theo dõi bệnh nhân	Bộ phận Truyền nhiễm	1	185.981	185.981		46.495			x	x			
281	Monitor theo dõi bệnh nhân	Khoa Sản	1	185.981	185.981		46.495			x	x			
282	Monitor theo dõi bệnh nhân	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	191.014	191.014									
283	Monitor theo dõi bệnh nhân	Khoa Sản	1	185.981	185.981		46.495			x	x			
284	Monitor theo dõi bệnh nhân	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	185.704		185.704	69.639			x	x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
285	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Bộ phận Truyền nhiễm	1	49.000		49.000	26.133			x	x			
286	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	147.943	147.943									
287	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Khoa Cận lâm sàng	1	49.000		49.000	26.133			x	x			
288	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Khoa Cận lâm sàng	1	147.943	147.943									
289	Monitor theo dõi sinh tồn 3 thông số	Khoa Khám bệnh	1	90.000		90.000	48.000			x	x			
290	Monitor theo dõi sinh tồn 3 thông số	Bộ phận Truyền nhiễm	1	88.000	88.000		46.933			x				
291	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số cầu hình cao	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	197.788	197.788									
292	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số cầu hình cao	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	197.788	197.788									
293	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số cầu hình cao	Khoa Khám bệnh	1	197.788	197.788									
294	Nhà mái che bình oxy	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	59.847	59.847		20.946							
295	Ô khí và đầu cảm oxy	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	234.489	234.489									
296	Ôn áp 3 pha RULER 100KVA	Khoa Cận lâm sàng	1	60.000	60.000									
297	Ôn áp lớn cho Labo	Khoa Cận lâm sàng	1	76.095	76.095		22.828			x				
298	Ông nội soi dạ dày Video	Khoa Cận lâm sàng	1	868.000	868.000		260.400			x	x			
299	Phần mềm hệ điều hành cho máy chủ	Bộ phận Công nghệ thông tin	1	27.730	27.730				x					
300	Phần mềm kế toán HCSN Misa mimosa Net 2012	Phòng Tài chính kế toán	1	10.500	10.500									
301	Tủ bảo vệ điện áp cho máy chạy thận	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	22.000	22.000									
302	Monitor sản khoa	Khoa Sản	1	37.000	37.000		15.540			x	x			
303	Tủ biến tần điều khiển máy bơm tự động	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	63.659	63.659		23.872		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
304	Tủ điện ATS đổi nguồn tự động 3P-700A	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	63.659	63.659		23.872		x					
305	Tủ sấy điện	Trạm y tế xã Đường Hoa	1	24.000	24.000				x					
306	Tủ sấy điện	Trạm y tế xã Quảng Đức	1	35.250	35.250				x					
307	Tủ sấy điện	Trạm y tế xã Quảng Sơn	1	24.000	24.000				x					
308	Tủ sấy điện	Trạm y tế xã Quảng Phong	1	24.000	24.000				x					
309	Tủ sấy điện	Trạm y tế xã Quảng Minh	1	24.000	24.000				x					
310	Tủ sấy điện	Trạm y tế xã Quảng Thành	1	24.000	24.000				x					
311	Tủ sấy điện	Trạm y tế xã Quảng Minh	1	24.000	24.000				x					
312	Tủ sấy điện	Trạm y tế xã Cái Chiên	1	24.000	24.000				x					
313	Tủ sấy điện	Trạm y tế xã Quảng Chính	1	24.000	24.000				x					
314	Tủ sấy điện	Trạm y tế thị trấn Quảng Hà	1	24.000	24.000				x					
315	Tủ sấy điện 150 lít	Khoa Chẩn nhiễm khuẩn	1	45.000	45.000									
316	Tủ sấy điện 256 lít	Khoa Chẩn nhiễm khuẩn	1	51.150	51.150									
317	Tủ sấy điện	Trạm y tế xã Quảng Long	1	24.000	24.000				x					
318	Tủ sấy khô 53 lít	Khoa Chẩn nhiễm khuẩn	1	24.600	24.600									
319	Tủ sấy ướt	Trạm y tế xã Quảng Chính	1	54.500	54.500					x				
320	Tủ sấy ướt	Trạm y tế xã Quảng Minh	1	54.500	54.500					x				
321	Tủ sấy ướt	Trạm y tế xã Quảng Thịnh	1	54.500	54.500					x				
322	Tủ sấy ướt	Trạm y tế xã Đường Hoa	1	54.500	54.500					x				
323	Tủ sấy ướt	Trạm y tế xã Đường Hoa	1	54.500	54.500					x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
324	Tủ sấy ướt	Trạm y tế xã Quảng Minh	1	54.500	54.500					x					
325	Tủ sấy ướt	Trạm y tế xã Cái Chiên	1	54.500	54.500					x					
326	Tường bao	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	44.000	44.000										
327	Xe đẩy dùng cụ cấp cứu	Khoa Khám bệnh	1	41.325		41.325	15.497			x		x			
328	Xe đẩy dùng cụ cấp cứu	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	43.000	43.000										
329	Xe đẩy dùng cụ cấp cứu	Khoa Khám bệnh	1	41.325		41.325	15.497			x		x			
330	Xe đẩy y dùng cụ cấp cứu cao cấp	Bộ phận Nhi	1	30.000		30.000	16.000			x					
331	Tủ sấy tiết trùng	Khoa Chẩn đoán khuẩn	1	558.098	558.098		167.429			x					
332	Tủ sấy điện	Trạm y tế xã Quảng Thịnh	1	24.000	24.000				x						
333	Tủ sấy điện	Trạm y tế xã Quảng Sơn	1	35.250	35.250				x						
334	Tủ sấy điện	Trạm y tế xã Đường Hoa	1	24.000	24.000				x						
335	Tủ dùng dùng cụ	Khoa Khám bệnh	1	7.645		7.645	3.823		x		x				
336	Tủ dùng dùng cụ	Khoa Khám bệnh	1	7.645		7.645	3.823		x						
337	Tủ dùng dùng cụ	Khoa Khám bệnh	1	7.645		7.645	3.823		x		x				
338	Tủ dùng dùng cụ	Khoa Khám bệnh	1	7.645		7.645	3.823		x		x				
339	Tủ dùng dùng cụ	Khoa Sản	1	7.645		7.645	3.823		x		x				
340	Tủ dùng dùng cụ	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	7.645		7.645	3.823		x		x				
341	Tủ dùng dùng cụ	Khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	1	7.645		7.645	3.823		x		x				
342	Tủ dùng dùng cụ	Khoa Khám bệnh	1	7.645		7.645	3.823		x						
343	Tủ dùng dùng cụ	Khoa Khám bệnh	1	7.645		7.645	3.823		x		x				
344	Tủ dùng dùng cụ	Khoa Khám bệnh	1	7.645		7.645	3.823		x		x				
345	Tủ dùng dùng cụ	Khoa Liên chuyên khoa	1	7.645		7.645	3.823		x		x				
346	Tủ dùng dùng cụ	Khoa Khám bệnh	1	7.645		7.645	3.823		x		x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
347	Tủ đựng dụng cụ	Khoa Khám bệnh	1	7.645		7.645	3.823		x		x			
348	Tủ đựng dụng cụ	Bộ phận Nội	1	7.645		7.645	3.823		x		x			
349	Tủ đựng dụng cụ	Khoa Khám bệnh	1	7.645		7.645	3.823		x		x			
350	Tủ đựng hóa chất	Khoa Cận lâm sàng	1	30.632	30.632		11.487			x	x			
351	Tủ đựng tài liệu 2800H6 Hòa Phát	Phòng Tổ chức CB&HCQT	2	25.000	25.000									
352	Tủ đựng vắc xin chuyên dụng	Khoa Dược	1	69.825	69.825					x				
353	Tủ làm mát Sanaky	Khoa Cận lâm sàng	1	20.400	20.400					x	x			
354	Tủ lạnh bảo quản mẫu	Khoa Cận lâm sàng	1	33.759	33.759		12.659			x	x			
355	Tủ mát Denver	Khoa Dược	1	38.300	38.300		7.660			x				
356	Tủ mát Denver	Khoa Dược	1	38.300	38.300		7.660			x				
357	Tủ mát Sanaky	Khoa Cận lâm sàng	1	11.390	11.390		2.278							
358	Tủ mát Sanaky	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	11.500	11.500					x				x
359	Tủ mát Sanden	Khoa Cận lâm sàng	1	11.580	11.580					x	x			
360	Tủ mát Sanden Intercool	Khoa Cận lâm sàng	1	24.400	24.400		4.880							
361	Tủ sấy điện	Trạm y tế thị trấn Quảng Hà	1	35.250	35.250				x					
362	Tủ điện 3 pha	Khoa Cận lâm sàng	1	10.000	10.000									
363	Máy tạo Oxy di động	Trạm y tế xã Quảng Chính	1	25.000	25.000		4.167			x				
364	Monitor sản khoa	Khoa Sản	1	179.700	179.700									
365	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động Hitachi	Khoa Cận lâm sàng	1	1.793.000	1.793.000						x			
366	Máy tính để bàn	Phòng Tổ chức CB&HCQT	30	379.500	379.500		303.600							
367	Máy tính để bàn	Phòng Tổ chức CB&HCQT	8	103.120	103.120		61.872		x					
368	Máy tính để bàn	Trạm y tế xã Quảng Sơn	1	12.890	12.890		7.734		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngành đồng)					Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
369	Máy tính để bàn	Trạm y tế xã Quảng Chính	1	12.890		12.890	7.734		x						
370	Máy tính để bàn	Trạm y tế xã Quảng Thịnh	1	12.890		12.890	7.734		x						
371	Máy tính để bàn	Trạm y tế xã Quảng Long	1	12.890		12.890	7.734		x						
372	Máy tính để bàn	Trạm y tế xã Quảng Phong	1	12.890		12.890	7.734		x						
373	Máy tính để bàn	Trạm y tế xã Quảng Thành	1	12.890		12.890	7.734		x						
374	Máy tính để bàn	Trạm y tế thị trấn Quảng Hà	2	25.780		25.780	15.468		x						
375	Máy tính để bàn đồng bộ Lenovo	Khoa Sản	1	18.900	18.900										
376	Máy tính để bàn đồng bộ Lenovo	Khoa Kiểm soát dịch bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm	1	18.900	18.900										
377	Máy tính dùng cho công tác khám chữa bệnh	Bộ phận Nội	1	19.650	19.650				x						
378	Máy tính để bàn	Trạm y tế xã Đường Hoa	1	12.890		12.890	7.734		x						
379	Máy tính dùng cho công tác khám chữa bệnh	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	19.650	19.650				x						
380	Máy tính dùng cho công tác khám chữa bệnh	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	19.650	19.650				x						
381	Máy tính dùng cho công tác khám chữa bệnh	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	19.650	19.650				x						
382	Máy tính dùng cho công tác khám chữa bệnh	Khoa Ngoại	1	19.650	19.650				x						
383	Máy tính dùng cho công tác khám chữa bệnh	Khoa Ngoại	1	19.650	19.650				x						
384	Máy tính dùng cho công tác khám chữa bệnh	Khoa Cận lâm sàng	1	19.650	19.650				x						
385	Máy tính dùng cho công tác khám chữa bệnh	Khoa Sản	1	19.650	19.650				x						
386	Máy tính dùng cho công tác khám chữa bệnh	Khoa Dược	1	19.650	19.650				x						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
387	Máy tính dùng cho công tác khám chữa bệnh	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	19.650	19.650				x					
388	Máy tính dùng cho công tác khám chữa bệnh	Bộ phận Nhi	1	19.650	19.650				x					
389	Máy tính FPT ELEAD TKM440-337	Khoa Kiểm soát dịch bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm	1	13.085	13.085				x					
390	Máy tính phục vụ cho chuẩn đoán hình ảnh	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	25.700	25.700				x					
391	Máy tính phục vụ cho chuẩn đoán hình ảnh	Khoa Cận lâm sàng	1	25.700	25.700				x					
392	Máy tính dùng cho công tác khám chữa bệnh	Phòng Kế hoạch	1	19.650	19.650				x					
393	Máy tính để bàn	Trạm y tế xã Quảng Minh	1	12.890		12.890	7.734		x					
394	Máy tính để bàn	Trạm y tế xã Cái Chiên	1	12.890		12.890	7.734		x					
395	Máy tính để bàn	Trạm y tế xã Quảng Đức	1	12.890		12.890	7.734		x					
396	Máy tạo Oxy di động	Trạm y tế xã Đường Hoa	1	25.000	25.000					x				
397	Máy tạo Oxy di động	Trạm y tế xã Quảng Minh	1	25.000	25.000		4.167			x				
398	Máy tháo lồng ruột	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	18.000	18.000									
399	Máy theo dõi bệnh nhân	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	144.000	144.000		126.000		x		x			
400	Máy theo dõi bệnh nhân	Bộ phận Nội	1	144.000	144.000		126.000		x		x			
401	Máy theo dõi bệnh nhân	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	144.000	144.000		126.000		x		x			
402	Máy theo dõi bệnh nhân (Monitor theo dõi sinh tồn 3 thông số)	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	75.000		75.000	56.250				x			
403	Máy theo dõi bệnh nhân ≥ 5 thông số	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	130.000	130.000		83.571			x	x			
404	Máy theo dõi bệnh nhân ≥ 5 thông số	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	130.000	130.000		83.571			x				
405	Máy theo dõi bệnh nhân ≥ 5 thông số	Khoa Cận lâm sàng	1	130.000	130.000		83.571			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngành đồng)					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
406	Máy theo dõi bệnh nhân ≥5 thông số	Bộ phận Nhi	1	130.000	130.000		83.571			x				
407	Máy theo dõi bệnh nhân ≥5 thông số	Khoa Liên chuyên khoa	1	130.000	130.000		83.571			x				
408	Máy theo dõi sản khoa	Khoa Sản	1	48.500		48.500	25.867			x				
409	Máy thở	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	450.000	450.000		393.750			x	x			
410	Máy thở Vsmart	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	106.000	106.000		56.533			x	x			
411	Máy thở cho người lớn và trẻ em	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	640.000	640.000									
412	Máy thở không xâm nhập 2 mức áp lực BiPAP	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	391.000	391.000		65.167			x	x			
413	Máy thở người lớn, trẻ em	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	826.064	826.064		206.516			x	x			
414	Máy thở người lớn, trẻ em	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	826.064	826.064		206.516			x	x			
415	Máy Thở Sơ Sinh CPAP (+ Máy khi nén)	Bộ phận Nhi	1	176.000	176.000					x	x			
416	Máy thở Vsmart	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	106.000	106.000		44.520			x	x			
417	Máy thở xách tay	Khoa Khám bệnh	1	399.445	399.445		99.861							
418	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	405.000	405.000		303.750			x	x			
419	Máy tiết trùng nhiệt độ thấp (bảng Plasma)	Phòng Điều Dưỡng	1	1.700.000	1.700.000		1.275.000			x				
420	Máy tính FPT Ellead T710TNe	Khoa Sản	1	14.400	14.400									
421	Máy tính FPT Ellead T710TNe	Bộ phận Nhi	1	14.400	14.400				x					
422	Máy tính để bàn	Phòng Tổ chức CB&HCQT	54	907.797	907.797				x					
423	Máy tính phục vụ cho chuẩn đoán hình ảnh	Khoa Cận lâm sàng	1	25.700	25.700				x					
424	Monitor sản khoa	Khoa Sản	1	179.700	179.700				x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
425	Máy tính phục vụ cho chuẩn đoán hình ảnh	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	25.700	25.700				x					
426	Máy tính phục vụ cho chuẩn đoán hình ảnh	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	25.700	25.700				x					
427	máy vi tính Asus	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	13.000	13.000									
428	Máy vi tính để bàn	Phòng Dân số	1	18.200	18.200				x					
429	Máy vi tính để bàn, máy in, UPS	Phòng truyền thông	1	17.135	17.135				x					
430	Máy vi tính để bàn, máy in, UPS	Phòng Tài chính kế toán	1	17.135	17.135				x					
431	Máy vi tính đồng bộ HP	Khoa Cận lâm sàng	1	13.000	13.000				x					
432	Máy vi tính đồng bộ HP	Phòng Tài chính kế toán	1	13.000	13.000									
433	Máy vi tính Đồng Nam Á + lưu điện + máy in	Khoa Sản	1	16.490	16.490									
434	Máy vi tính Đồng Nam Á + lưu điện + máy in	Khoa Kiểm soát dịch bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm	1	16.490	16.490									
435	Máy X-Quang thường quy	Khoa Cận lâm sàng	1	827.400	827.400						x			
436	Máy xét nghiệm huyết học tự động >= 32 thông số	Khoa Cận lâm sàng	1	1.963.129	1.963.129		490.782			x	x			
437	Máy xét nghiệm huyết học tự động ≥ 18 thông số	Khoa Cận lâm sàng	1	350.000	350.000		58.333			x	x			
438	máy xét nghiệm máu lắng (PT máu lắng tự động)	Khoa Cận lâm sàng	1	68.850	68.850									
439	Máy vi tính	Khoa Kiểm soát dịch bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm	1	10.600	10.600									
440	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động	Khoa Cận lâm sàng	1	1.963.129	1.963.129		490.782			x	x			
441	Máy xét nghiệm nước tiểu	Trạm y tế thị trấn Quảng Hà	1	24.833	24.833					x				
442	Máy xét nghiệm nước tiểu	Trạm y tế xã Đường Hoa	1	24.833	24.833					x				
443	Máy xét nghiệm nước tiểu	Trạm y tế xã Quảng Thịnh	1	24.833	24.833					x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
444	Máy xét nghiệm nước tiểu	Trạm y tế xã Quảng Sơn	1	24.833	24.833					x				
445	Máy xét nghiệm nước tiểu	Trạm y tế xã Quảng Thành	1	24.833	24.833					x				
446	Máy xét nghiệm nước tiểu	Trạm y tế xã Cai Chiền	1	24.833	24.833					x				
447	Máy xét nghiệm nước tiểu	Trạm y tế xã Quảng Long	1	24.833	24.833					x				
448	Máy xét nghiệm nước tiểu	Trạm y tế xã Quảng Phong	1	24.833	24.833		10.430			x				
449	Máy xét nghiệm nước tiểu	Trạm y tế xã Quảng Minh	1	24.833	24.833					x				
450	Máy xét nghiệm nước tiểu	Trạm y tế xã Quảng Minh	1	24.833	24.833					x				
451	Máy xét nghiệm nước tiểu tự động	Khoa Cận lâm sàng	1	721.192	721.192		180.298			x				
452	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Khoa Cận lâm sàng	1	1.963.129	1.963.129		490.782			x		x		
453	Máy xét nghiệm nước tiểu	Trạm y tế xã Quảng Đức	1	24.833	24.833					x				
454	Máy vi sóng điều trị (Máy vi sóng trị liệu)	Khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	1	98.500		98.500	73.875					x		
455	Máy vắt sữa công nghiệp 1 kim 5 chi JUKI	Khoa Chẩn nhiễm khuẩn	1	10.000	10.000						x			
456	Máy truyền dịch tự động	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	21.985	21.985									
457	Máy tính phục vụ cho chuẩn đoán hình ảnh	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	25.700	25.700				x					
458	Máy tính phục vụ cho chuẩn đoán hình ảnh	Phòng Kế hoạch	1	25.700	25.700				x					
459	Máy tính xách tay Asus	Phòng Tổ chức CB&HCQT	7	94.500		94.500	56.700		x					
460	Máy tính xách tay Asus	Khoa Liên chuyên khoa	1	13.500		13.500	8.100		x					
461	Máy tính xách tay Asus	Khoa Nội Nhi Lây	1	13.500		13.500	8.100		x					
462	Máy tính xách tay Asus	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	13.500		13.500	8.100		x					
463	Máy tính xách tay Asus	Khoa Ngoại	1	13.500		13.500	8.100		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
464	Máy tính xách tay Asus	Khoa Sản	1	13.500		13.500	8.100		x					
465	Máy tính xách tay HP 4320S	Khoa Kiểm soát dịch bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm	1	15.500	15.500									
466	Máy truyền dịch	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	37.196	37.196		9.299			x	x			
467	Máy truyền dịch	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	37.196	37.196		9.299			x	x			
468	Máy truyền dịch	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	37.196	37.196		9.299			x	x			
469	Máy truyền dịch	Bộ phận Truyền nhiễm	1	37.196	37.196		9.299			x	x			
470	Máy truyền dịch	Bộ phận Nội	1	37.196	37.196		9.299			x	x			
471	Máy truyền dịch	Bộ phận Nhi	1	37.192		37.192	13.947			x	x			
472	Máy truyền dịch	Khoa Sản	1	37.196	37.196		9.299			x	x			
473	Máy truyền dịch	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	36.000	36.000									
474	Máy truyền dịch	Bộ phận Nhi	1	37.192		37.192	13.947			x	x			
475	Máy truyền dịch	Khoa Sản	1	37.192		37.192	13.947			x	x			
476	Máy truyền dịch	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	37.196	37.196		9.299			x	x			
477	Máy truyền dịch	Khoa Sản	1	37.196	37.196		9.299			x	x			
478	Máy truyền dịch	Khoa Khám bệnh	1	37.192		37.192	13.947			x	x			
479	Máy truyền dịch	Bộ phận Nội	1	37.192		37.192	13.947			x	x			
480	Máy truyền dịch	Bộ phận Nội	1	37.196	37.196		9.299			x	x			
481	Máy truyền dịch	Khoa Ngoại	1	37.192		37.192	13.947			x	x			
482	Máy truyền dịch	Bộ phận Nhi	1	37.196	37.196		9.299			x	x			
483	Máy truyền dịch	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	36.000	36.000									
484	Máy tính phục vụ cho chuẩn đoán hình ảnh	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	25.700	25.700				x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
485	Hệ thống điện thoại	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	222.397	222.397		83.399		x						
486	Hệ thống điện ngoài nhà	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	2.936.133	2.936.133		1.468.066								
487	Hệ thống công nghệ thông tin nhà khám bệnh và điều hành + Nhà nghiệp vụ	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	439.926	439.926		164.972		x						
488	Điều hoà Gree 1 chiều 18000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	14.800	14.800		11.100								
489	Điều hòa Gree 12000BTU	Phòng Tài chính kế toán	1	12.800	12.800										
490	Điều Hòa Gree 12000BTU	Bộ phận Nội	1	12.800	12.800										
491	Điều Hòa Gree 12000BTU	Khoa Dược	1	12.800	12.800										
492	Điều hòa Gree 12000BTU	Phòng Tài chính kế toán	1	12.800	12.800										
493	Điều Hòa Gree 12000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	12.800	12.800										
494	Điều hòa Gree 18000 BTU	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	20.500	20.500										
495	Điều hòa Gree 9000BTU	Khoa Dược	1	11.500	11.500										
496	Điều hòa Gree 12000BTU (X.quang)	Khoa Cận lâm sàng	1	13.300	13.300										
497	Điều hòa Gree 9000BTU	Phòng Kế hoạch	1	10.000	10.000										
498	Điều hòa Gree GWC24QE-E3NNC2A(X.quang)	Khoa Cận lâm sàng	1	18.900	18.900										
499	Điều Hòa LG	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	16.500	16.500										
500	Điều hòa Gree (PGD)	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	12.800	12.800										
501	Điều Hòa LG	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	16.500	16.500										
502	Điều Hòa Sam Sung	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	11.300	11.300										
503	Điều Hòa Sam Sung	Khoa Sản	1	11.300	11.300										
504	Điều Hòa Sam Sung	Khoa Sản	1	11.300	11.300										

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
505	Điều Hòa Sam Sung	Khoa Khám bệnh	1	15.180	15.180									
506	Điều Hòa Sam Sung	Phòng Kế hoạch	1	18.100	18.100									
507	Điều Hòa Sam Sung	Khoa Khám bệnh	1	15.180	15.180									
508	Điều Hòa Sam Sung	Khoa Sản	1	11.300	11.300									
509	Điều Hòa Sam Sung	Khoa Khám bệnh	1	15.180	15.180									
510	Điều Hòa Sam Sung	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	11.300	11.300									
511	Điều Hòa Sam Sung	Khoa Dược	1	11.300	11.300									
512	Điều Hòa Sam Sung	Khoa Cận lâm sàng	1	11.300	11.300									
513	Điều Hòa Sam Sung	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	15.180	15.180									
514	Điều hòa nhiệt độ Gree 18.000 BTU- 2 chiều	Khoa Cận lâm sàng	1	17.500	17.500									
515	Điều Hòa Sam Sung	Khoa Sản	1	11.300	11.300									
516	Điều Hòa Gree	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	13.450	13.450									
517	Điều hòa Cassette âm trần 36000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	48.381	48.381		18.143		x					
518	Dao mổ điện	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	273.515	273.515		59.318			x	x			
519	Dao mổ điện	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	267.579		267.579	120.410			x	x			
520	Dao mổ siêu âm	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	1.667.054	1.667.054		1.071.678			x				
521	Dây nội soi dạ dày	Khoa Cận lâm sàng	1	198.000	198.000									
522	Đèn chiếu vàng da 1 mặt	Bộ phận Nhi	1	75.000		75.000	40.000			x	x			
523	Đèn chiếu vàng da 2 mặt	Bộ phận Nhi	1	82.000	82.000		34.440			x	x			
524	Đèn điều trị vàng da	Bộ phận Nhi	1	54.000	54.000									
525	Đèn khám bệnh và làm tiểu phẫu	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	41.215	41.215		10.304			x	x			
526	Đèn khám bệnh và làm tiểu phẫu	Khoa Sản	1	41.215	41.215		10.304			x	x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
527	Đèn khám bệnh và làm tiểu phẫu	Khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	1	41.325		41.325	14.464			x	x			
528	Đèn khám bệnh và làm tiểu phẫu	Khoa Sản	1	41.325		41.325	14.464			x	x			
529	Đèn khám bệnh và làm tiểu phẫu	Khoa Ngoại	1	41.325		41.325	14.464			x	x			
530	Điều hòa Cassette âm trần 36000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	48.381	48.381		18.143		x					
531	Đèn khám bệnh và làm tiểu phẫu	Khoa Liên chuyên khoa	1	41.215	41.215		10.304			x	x			
532	Đèn khám bệnh và làm tiểu phẫu	Khoa Khám bệnh	1	41.215	41.215		10.304			x	x			
533	Đèn mổ di động	Trạm y tế xã Quảng Minh	1	36.500	36.500					x				
534	Đèn mổ di động	Trạm y tế xã Quảng Chính	1	36.500	36.500					x				
535	Đèn mổ di động	Trạm y tế xã Đường Hoa	1	36.500	36.500					x				
536	Đèn mổ di động	Trạm y tế thị trấn Quảng Hà	1	36.500	36.500					x				
537	Đèn mổ di động	Trạm y tế xã Quảng Thịnh	1	36.500	36.500					x				
538	Đèn mổ di động	Trạm y tế xã Quảng Minh	1	36.500	36.500					x				
539	Đèn mổ treo trần	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	237.000	237.000									
540	Đèn mổ treo trần	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	635.371		635.371	222.380			x	x			
541	Đèn mổ treo trần có camera	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	916.380		916.380	320.733			x	x			
542	Đèn soi đáy mắt	Khoa Liên chuyên khoa	1	30.790	30.790		7.698			x	x			
543	Điều Hòa	Khoa Ngoại	1	13.790	13.790									
544	Đèn khám bệnh và làm tiểu phẫu	Bộ phận Nhi	1	41.325		41.325	14.464			x	x			
545	Điều Hòa Sam Sung	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	15.180	15.180									
546	Điều Hòa Sam Sung	Khoa Dược	1	11.300	11.300									
547	Điều Hòa Sam Sung	Khoa Cận lâm sàng	1	11.300	11.300									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
548	Điều hòa treo tường 18000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	22.570	22.570		8.464							
549	Điều hòa treo tường 24000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	36.980	36.980		13.868		x					
550	Điều hòa treo tường 24000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	36.980	36.980		13.868		x					
551	Điều hòa treo tường 24000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	36.980	36.980		13.868		x					
552	Điều hòa treo tường 24000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	36.980	36.980		13.868		x					
553	Điều hòa treo tường 24000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	36.980	36.980		13.868		x					
554	Điều hòa treo tường 24000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	36.980	36.980		13.868		x					
555	Điều hòa treo tường 24000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	36.980	36.980		13.868		x					
556	Điều hòa treo tường 24000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	36.980	36.980		13.868		x					
557	Điều hòa treo tường 24000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	36.980	36.980		13.868		x					
558	Điều hòa treo tường 9000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	11.574	11.574		4.340		x					
559	Điều hòa treo tường 9000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	11.574	11.574		4.340		x					
560	Điều hòa treo tường 18000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	23.024	23.024		8.634							
561	Đồng bộ dụng cụ khám và điều trị Tai mũi họng	Trạm y tế xã Quảng Minh	1	129.500	129.500					x				
562	Đồng bộ dụng cụ khám và điều trị Tai mũi họng	Trạm y tế xã Quảng Long	1	129.500	129.500					x				
563	Đồng bộ dụng cụ khám và điều trị Tai mũi họng	Trạm y tế xã Quảng Thành	1	129.500	129.500					x				
564	Doppler nghe tim thai	Khoa Sản	1	19.000	19.000									
565	Ghế chờ bệnh nhân	Khoa Khám bệnh	1	5.850	5.850		2.925			x	x			
566	Ghế chờ bệnh nhân	Khoa Khám bệnh	1	5.850	5.850		2.925			x	x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
567	Ghế chờ bệnh nhân	Khoa Khám bệnh	1	5.850	5.850		2.925			x	x			
568	Ghế chờ bệnh nhân	Khoa Khám bệnh	1	5.850	5.850		2.925			x	x			
569	Ghế chờ bệnh nhân	Khoa Khám bệnh	1	5.850	5.850		2.925			x	x			
570	Ghế chờ bệnh nhân	Khoa Khám bệnh	1	5.850	5.850		2.925			x	x			
571	Ghế chờ bệnh nhân	Khoa Khám bệnh	1	5.850	5.850		2.925			x	x			
572	Ghế chờ bệnh nhân	Khoa Khám bệnh	1	5.850	5.850		2.925			x	x			
573	Ghế chờ bệnh nhân	Khoa Khám bệnh	1	5.850	5.850		2.925			x	x			
574	Đồng bộ dụng cụ khám và điều trị Tai mũi họng	Trạm y tế xã Đường Hoa	1	129.500	129.500					x				
575	Điều hòa treo tường 18000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	22.570	22.570		8.464							
576	Điều hòa treo tường 18000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	22.570	22.570		8.464							
577	Điều hòa treo tường 18000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	22.570	22.570		8.464							
578	Điều Hòa Sam Sung	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	15.180	15.180									
579	Điều hòa treo tường 12000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	51	708.354	708.354		265.633		x					
580	Điều hòa treo tường 18000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	22.570	22.570		8.464							
581	Điều hòa treo tường 18000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	22.570	22.570		8.464							
582	Điều hòa treo tường 18000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	22.570	22.570		8.464							
583	Điều hòa treo tường 18000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	22.570	22.570		8.464							
584	Điều hòa treo tường 18000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	22.570	22.570		8.464							
585	Điều hòa treo tường 18000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	22.570	22.570		8.464							
586	Điều hòa treo tường 18000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	22.570	22.570		8.464							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo số kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
587	Điều hòa treo tường 18000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	22.570	22.570		8.464							
588	Điều hòa treo tường 18000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	22.570	22.570		8.464							
589	Điều hòa treo tường 18000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	22.570	22.570		8.464							
590	Điều hòa treo tường 18000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	22.570	22.570		8.464							
591	Điều hòa treo tường 18000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	22.570	22.570		8.464							
592	Điều hòa treo tường 18000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	22.570	22.570		8.464							
593	Điều hòa treo tường 18000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	22.570	22.570		8.464							
594	Điều hòa treo tường 18000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	22.570	22.570		8.464							
595	Điều hòa treo tường 18000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	22.570	22.570		8.464							
596	Điều hòa treo tường 18000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	22.570	22.570		8.464							
597	Điều hòa treo tường 18000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	22.570	22.570		8.464							
598	Điều hòa treo tường 18000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	22.570	22.570		8.464							
599	Điều hòa treo tường 18000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	22.570	22.570		8.464							
600	Điều hòa treo tường 18000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	22.570	22.570		8.464							
601	Điều hòa treo tường 18000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	22.570	22.570		8.464							
602	Điều hòa treo tường 18000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	22.570	22.570		8.464							
603	Điều hòa treo tường 18000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	22.570	22.570		8.464							
604	Điều hòa treo tường 18000BTU	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	22.570	22.570		8.464							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
605	Cây xanh	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	507.382	507.382		190.268							x
606	Cassette (chụp XQuang)	Khoa Cận lâm sàng	1	34.000	34.000					x				
607	Cassette (chụp XQuang)	Khoa Cận lâm sàng	1	34.000	34.000					x				
608	Bồn tắm trẻ sơ sinh	Bộ phận Nhi	1	60.000		60.000	32.000			x	x			
609	Bộ đại trung phẫu	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	69.920	69.920									
610	Bộ đặt nội khí quản	Khoa Ngoại	1	18.596		18.596	8.368			x	x			
611	Bộ đặt nội khí quản	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	17.462	17.462		4.365			x	x			
612	Bộ đặt nội khí quản	Khoa Khám bệnh	1	306.735	306.735									
613	Bộ đặt nội khí quản	Bộ phận Truyền nhiễm	1	18.596		18.596	8.368			x	x			
614	Bộ đặt nội khí quản	Khoa Khám bệnh	1	17.462	17.462		4.365			x	x			
615	Bộ đặt nội khí quản	Khoa Khám bệnh	1	18.596		18.596	8.368			x	x			
616	Bộ đặt nội khí quản trẻ em và trẻ sơ sinh	Khoa Sản	1	16.325	16.325		4.081			x	x			
617	Bộ đặt nội khí quản trẻ em và trẻ sơ sinh	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	16.325	16.325		4.081			x	x			
618	Bộ dụng cụ đỡ đẻ	Khoa Sản	1	38.539	38.539		9.635			x	x			
619	Bộ dụng cụ đỡ đẻ	Khoa Sản	1	38.539	38.539		9.635			x	x			
620	Bộ dụng cụ đỡ đẻ	Khoa Sản	1	38.539	38.539		9.635			x	x			
621	Bộ bàn ghế tiếp khách	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	16.000	16.000									
622	Bộ dụng cụ khám bệnh	Khoa Khám bệnh	1	69.019	69.019		17.255			x	x			
623	Bộ dụng cụ khám bệnh	Khoa Khám bệnh	1	69.019	69.019		17.255			x	x			
624	Bộ dụng cụ khám bệnh	Khoa Khám bệnh	1	69.019	69.019		17.255			x	x			
625	Bộ dụng cụ khám bệnh	Khoa Khám bệnh	1	69.019	69.019		17.255			x	x			
626	Bộ dụng cụ khám sản phụ khoa	Khoa Sản	1	23.248	23.248		5.812			x	x			
627	Bộ dụng cụ khám sản phụ khoa	Khoa Sản	1	23.248	23.248		5.812			x	x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguyên khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
628	Bộ dụng cụ mổ đẻ	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	269.672	269.672		67.418			x	x			
629	Bộ dụng cụ mở khí quản	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	14.362	14.362		3.590			x	x			
630	Bộ dụng cụ mở khí quản	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	14.362	14.362		3.590			x	x			
631	Bộ dụng cụ nội soi gấp dị vật	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	375.000	375.000		112.500			x	x			
632	Bộ dụng cụ phẫu thuật chấn thương chỉnh hình	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	409.763	409.763									
633	Bộ dụng cụ phẫu thuật chấn thương chỉnh hình	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	173.000	173.000									
634	Bộ dụng cụ phẫu thuật chấn thương chỉnh hình	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	351.193	351.193		87.798			x	x			
635	Bộ dụng cụ khám bệnh	Khoa Khám bệnh	1	69.019	69.019		17.255			x	x			
636	Bộ bàn ghế tiếp khách	Phòng Dân số	1	8.000	8.000				x					
637	Bộ bàn ghế ngồi đo khúc xạ 180	Khoa Liên chuyên khoa	1	21.500	21.500		8.063				x			x
638	Bộ Bàn Ghế Hợp Hòa Phát	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	44.400	44.400									
639	Bàn để	Khoa Sản	1	85.000		85.000	45.333			x	x			
640	Bàn để	Khoa Sản	1	99.190	99.190		24.797			x	x			
641	Bàn để	Khoa Sản	1	99.190	99.190		24.797			x	x			
642	Bàn ghế gỗ xoan đinh ngọc giá	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	10.500	10.500									
643	Bàn ghế tiếp khách gỗ sồi	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	12.000	12.000									
644	Bàn kéo nắn chấn thương chỉnh hình	Khoa Ngoại	1	84.946	84.946									
645	Bàn khám bệnh	Khoa Khám bệnh	1	5.700	5.700		2.850			x	x			
646	Bàn khám bệnh	Khoa Sản	1	15.497		15.497	5.811		x		x			
647	Bàn khám bệnh	Khoa Khám bệnh	1	5.700	5.700		2.850			x	x			
648	Bàn khám bệnh	Khoa Khám bệnh	1	5.700	5.700		2.850			x	x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)						Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
649	Bàn khám bệnh	Khoa Khám bệnh	1	5.700	5.700		2.850			x	x				
650	Bàn khám bệnh	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	15.395	15.395		3.849			x	x				
651	Bàn khám bệnh	Khoa Sản	1	15.497		15.497	5.811	x			x				
652	Bàn khám bệnh	Khoa Khám bệnh	1	5.700	5.700		2.850			x	x				
653	Bàn khám bệnh	Khoa Cận lâm sàng	1	15.395	15.395		3.849			x	x				
654	Bàn khám bệnh	Khoa Khám bệnh	1	5.700	5.700		2.850			x	x				
655	Bàn khám bệnh	Khoa Khám bệnh	1	5.700	5.700		2.850			x	x				
656	Bàn khám bệnh	Khoa Liên chuyên khoa	1	15.497		15.497	5.811	x			x				
657	Bàn khám bệnh	Khoa Khám bệnh	1	5.700	5.700		2.850			x	x				
658	Bàn mổ đa năng	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	369.000	369.000										
659	Bàn mổ đa năng	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	505.197		505.197	189.449			x	x				
660	Bàn mổ đa năng	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	505.197		505.197	189.449			x	x				
661	Bể cấp ngoài nhà	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	21.659	21.659		8.122		x						
662	Bể nước sinh hoạt, chữa cháy	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	1.302.942	1.302.942		977.207								
663	Bình phun tay	Khoa Kiểm soát dịch bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm	1	12.496	12.496					x					
664	Bình phun tay	Khoa Kiểm soát dịch bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm	1	12.496	12.496					x					
665	Bộ bàn ghế hội trường	Phòng Dân số	1	30.000	30.000				x						
666	Bộ dụng cụ phẫu thuật chấn thương chỉnh hình (Sử dụng kết hợp xương Chi dưới)	Khoa Ngoại	1	98.500		98.500	73.875				x				
667	Ghế chờ bệnh nhân	Khoa Khám bệnh	1	5.850	5.850		2.925			x	x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguyên khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
668	Bộ dụng cụ phẫu thuật chấn thương chỉnh hình (Sử dụng kết hợp xương Chi trên)	Khoa Ngoại	1	98.800		98.800	74.100				x			
669	Bộ dụng cụ phẫu thuật ổ bụng	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	218.000	218.000									
670	Bơm tiêm điện	Khoa Khám bệnh	1	25.621		25.621	9.608			x	x			
671	Bơm tiêm điện	Khoa Sản	1	25.621		25.621	9.608			x	x			
672	Bơm tiêm điện	Bộ phận Nhi	1	25.417	25.417		6.354			x	x			
673	Bơm tiêm điện	Bộ phận Nhi	1	25.621		25.621	9.608			x	x			
674	Bơm tiêm điện	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	33.000	33.000						x			
675	Bơm tiêm điện	Bộ phận Nội	1	25.621		25.621	9.608			x	x			
676	Bơm tiêm điện	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	25.417	25.417		6.354			x	x			
677	Bơm tiêm điện	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	25.417	25.417		6.354			x	x			
678	Bơm tiêm điện	Bộ phận Truyền nhiễm	1	25.417	25.417		6.354			x	x			
679	Bơm tiêm điện	Bộ phận Nhi	1	25.417	25.417		6.354			x	x			
680	Bơm tiêm điện	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	27.000	27.000									
681	Bơm tiêm điện	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	25.417	25.417		6.354			x	x			
682	Bơm môi hóa chất (Máy chạy thận)	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	19.800	19.800									
683	Bơm tiêm điện	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	25.417	25.417		6.354			x	x			
684	Bơm tiêm điện	Khoa Ngoại	1	25.621		25.621	9.608			x	x			
685	Bơm tiêm điện	Bộ phận Nội	1	25.417	25.417		6.354			x	x			
686	Bơm tiêm điện	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	27.000	27.000									
687	Bơm tiêm điện	Khoa Khám bệnh	1	25.621		25.621	9.608			x	x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
688	Bơm tiêm điện	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	33.000	33.000						x			
689	Bơm tiêm điện	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	15.950	15.950									
690	Bơm tiêm điện	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	33.000	33.000						x			
691	Bơm tiêm điện	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	25.417	25.417		6.354			x	x			
692	Bơm tôm	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	44.000	44.000		5.500			x				
693	Bồn rửa quả lọc (máy chạy thận)	Khoa Chẩn nhiễm khuẩn	1	26.400	26.400									
694	Bồn rửa tay TR - 2V VN	Khoa Sản	1	29.000	29.000									
695	Bồn tắm trẻ sơ sinh	Khoa Sản	1	110.000	110.000									
696	Bơm tiêm điện	Bộ phận Nội	1	25.417	25.417		6.354			x	x			
697	Bơm chim EBARA	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	30.000	30.000		3.750		x					
698	Bộ Pipet tự động Microlit	Khoa Cận lâm sàng	1	12.500	12.500									
699	Bộ nội soi dạ dày kèm cắt đốt	Khoa Cận lâm sàng	1	880.000	880.000					x				
700	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản khoa	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	157.500	157.500									
701	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản phụ khoa	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	340.758	340.758		85.189			x	x			
702	Bộ dụng cụ phẫu thuật sọ não	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	414.943	414.943		103.736			x	x			
703	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiêu hóa	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	250.041	250.041		62.510			x	x			
704	Bộ dụng cụ phẫu thuật TMH	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	156.947	156.947		39.237			x	x			
705	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Khoa Khám bệnh	1	13.411	13.411		3.353			x	x			
706	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Khoa Khám bệnh	1	13.411	13.411		3.353			x	x			
707	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Khoa Khám bệnh	1	13.411	13.411		3.353			x	x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguyên khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
708	Bộ hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	2.396.000	2.396.000									x
709	Bộ hút dịch áp lực thường (Bình hút dịch gắn tường)	Khoa Khám bệnh	1	14.960	14.960		7.979			x	x			
710	Bộ hút dịch áp lực thường (Bình hút dịch gắn tường)	Khoa Khám bệnh	1	14.960	14.960		7.979			x	x			
711	Bộ khoan cưa xương đa năng	Khoa Liên chuyên khoa	1	78.360		78.360	58.770				x			
712	Bộ lưu điện UPS 3000 VA onkine	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	37.450	37.450				x					
713	Bộ lưu điện UPS 3000 VA onkine	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	37.450	37.450				x					
714	Bộ lưu điện UPS 6000 VA online	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	62.072	62.072				x					
715	Bộ lưu điện UPS 6000 VA online	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	62.072	62.072				x					
716	Bộ lưu điện UPS 6000 VA online	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	62.072	62.072				x					
717	Bộ lưu điện UPS online 30Kva	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	487.861	487.861				x					
718	Bộ máy chiếu	Phòng Dân số	1	20.000	20.000				x					
719	Bộ máy tính để bàn FPT ELEAD	Phòng Tài chính kế toán	1	13.150	13.150				x					x
720	Bộ máy tính để bàn FPT Elead T710TN + Lưu điện	Khoa Khám bệnh	1	12.760	12.760									
721	Bộ máy tính để bàn FPT Elead T710TN + Lưu điện	Phòng Kế hoạch	1	12.760	12.760									
722	Bộ máy tính để bàn FPT Elead T710TN + Lưu điện	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	12.760	12.760									
723	Bộ máy tính để bàn FPT Elead T710TN + Lưu điện	Bộ phận Nội	1	12.760	12.760									
724	Bộ máy tính để bàn FPT Elead T710TN + Lưu điện	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	12.760	12.760									
725	Bộ máy vi tính để bàn	Phòng Dân số	1	19.750	19.750				x					
726	Bộ mở khí quản người lớn	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	17.500	17.500									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
727	Bộ dụng cụ phẫu thuật khoa sản	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	64.000	64.000									
728	Ghế chờ bệnh nhân	Khoa Khám bệnh	1	5.850	5.850		2.925			x	x			
729	Ghế chờ bệnh nhân	Khoa Khám bệnh	1	5.850	5.850		2.925			x	x			
730	Ghế chờ bệnh nhân	Khoa Khám bệnh	1	5.850	5.850		2.925			x	x			
731	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
732	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
733	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
734	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
735	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Liên chuyên khoa	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
736	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
737	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
738	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
739	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
740	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
741	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
742	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
743	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
744	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
745	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Liên chuyên khoa	1	20.621		20.621	7.733			x	x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
746	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
747	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
748	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
749	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
750	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
751	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
752	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
753	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
754	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
755	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
756	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
757	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
758	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
759	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Liên chuyên khoa	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
760	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
761	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
762	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
763	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)						Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
764	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x				
765	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x				
766	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x				
767	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x				
768	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x				
769	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x				
770	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x				
771	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Liên chuyên khoa	1	20.621		20.621	7.733			x	x				
772	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x				
773	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x				
774	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x				
775	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x				
776	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x				
777	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x				
778	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x				
779	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x				
780	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x				
781	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguyên khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
782	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
783	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
784	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
785	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Liên chuyên khoa	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
786	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
787	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
788	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
789	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
790	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
791	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
792	Giường HSCC	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	113.437		113.437	42.539			x	x			
793	Giường HSCC	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	113.437		113.437	42.539			x	x			
794	Giường HSCC	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	113.437		113.437	42.539			x	x			
795	Giường HSCC	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	113.437		113.437	42.539			x	x			
796	Giường HSCC	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	113.437		113.437	42.539			x	x			
797	Giường HSCC	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	113.437		113.437	42.539			x	x			
798	Giường HSCC	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	113.437		113.437	42.539			x	x			
799	Giường HSCC	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	113.437		113.437	42.539			x	x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên ngân sách	Nguyên khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
800	Giường HSCC điều khiển điện cầu hình trung bình	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	109.950	109.950									
801	Giường HSCC điều khiển điện cầu hình trung bình	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	109.950	109.950									
802	Giường HSCC điều khiển điện cầu hình trung bình	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	109.950	109.950									
803	Giường HSCC điều khiển điện cầu hình trung bình	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	109.950	109.950									
804	Giường HSCC	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	113.437		113.437	42.539			x	x			
805	Giường HSCC điều khiển điện cầu hình trung bình	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	109.950	109.950									
806	Giường kéo giãn cột sống cổ(Kèm giường)	Khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	1	290.590	290.590									
807	Giường làm ấm trẻ sơ sinh	Khoa Sản	1	124.500	124.500									
808	Giường làm ấm trẻ sơ sinh	Bộ phận Nhi	1	124.500	124.500									
809	Hà tầng kỹ thuật và san nền	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	842.045	842.045		421.023							
810	Hệ thống âm thanh	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	226.070	226.070		84.776		x					
811	Hệ thống Camera	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	561.024	561.024		210.384		x					
812	Hệ thống cấp nước ngoài nhà	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	147.680	147.680		73.840							
813	Hệ thống chụp cắt lớp vi tính	Khoa Cận lâm sàng	1	5.000.000	5.000.000						x			
814	Hệ thống công nghệ thông tin Khoa Truyền nhiễm	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	14.747	14.747		5.530		x					
815	Hệ thống công nghệ thông tin ngoài nhà	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	237.270	237.270		88.976		x					
816	Hệ thống công nghệ thông tin nhà điều trị 8 tầng	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	1.671.289	1.671.289		626.733		x					
817	Hệ thống công nghệ thông tin nhà điều trị Khoa Nội	Phòng Tổ chức CB&HCQT	1	26.047	26.047		9.768		x					
818	Giường HSCC điều khiển điện cầu hình trung bình	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	109.950	109.950									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguyên khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
819	Giường HSCC	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	113.437		113.437	42.539			x	x			
820	Giường cấp cứu quay tay	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	37.000	37.000									
821	Giường cấp cứu quay tay	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	37.000	37.000									
822	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
823	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
824	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
825	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
826	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Liên chuyên khoa	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
827	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
828	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
829	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
830	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
831	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Liên chuyên khoa	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
832	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
833	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
834	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
835	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
836	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
837	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
838	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Liên chuyên khoa	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
839	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Liên chuyên khoa	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
840	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
841	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
842	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
843	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
844	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
845	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
846	Giường cấp cứu đa năng	Bộ phận Truyền nhiễm	1	24.950	24.950									
847	Giường cấp cứu quay tay	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	37.000	37.000									
848	Giường cấp cứu quay tay	Khoa Gây mê hồi sức cấp cứu	1	37.000	37.000									
849	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Liên chuyên khoa	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
850	Xe đẩy y dụng cụ cấp cứu cao cấp	Khoa Khám bệnh	1	30.000		30.000	16.000			x				
851	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
852	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
853	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Liên chuyên khoa	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
854	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguyên khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
855	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Liên chuyên khoa	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
856	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
857	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
858	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Liên chuyên khoa	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
859	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
860	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
861	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
862	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
863	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
864	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
865	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
866	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
867	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
868	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Liên chuyên khoa	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
869	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
870	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Liên chuyên khoa	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
871	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
872	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
873	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
874	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
875	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
876	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
877	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
878	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Liên chuyên khoa	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
879	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
880	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
881	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
882	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
883	Ghế chờ bệnh nhân	Khoa Khám bệnh	1	5.850	5.850		2.925			x	x			
884	Ghế chờ bệnh nhân	Khoa Khám bệnh	1	5.850	5.850		2.925			x	x			
885	Ghế chờ bệnh nhân	Khoa Khám bệnh	1	5.850	5.850		2.925			x	x			
886	Ghế khám và điều trị răng (Ghế Nha khoa)	Khoa Liên chuyên khoa	1	80.000		80.000	60.000			x	x			
887	Ghế răng	Khoa Liên chuyên khoa	1	355.911		355.911	124.569			x	x			
888	Ghế răng	Khoa Liên chuyên khoa	1	355.911		355.911	124.569			x	x			
889	Giàn tập phục hồi chức năng	Khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	1	98.750		98.750	74.063				x			
890	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Liên chuyên khoa	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
891	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguyên khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
892	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
893	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
894	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
895	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
896	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
897	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
898	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
899	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
900	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Liên chuyên khoa	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
901	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
902	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
903	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
904	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
905	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
906	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
907	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
908	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
909	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngân đồng)					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
910	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
911	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
912	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Liên chuyên khoa	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
913	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Liên chuyên khoa	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
914	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
915	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Liên chuyên khoa	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
916	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
917	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
918	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
919	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
920	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
921	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Liên chuyên khoa	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
922	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
923	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
924	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
925	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
926	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
927	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguyên khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
928	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
929	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
930	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
931	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
932	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
933	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
934	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
935	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
936	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Liên chuyên khoa	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
937	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
938	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
939	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
940	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
941	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
942	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
943	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Liên chuyên khoa	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
944	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Liên chuyên khoa	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
945	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
946	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
947	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
948	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Liên chuyên khoa	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
949	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
950	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
951	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
952	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
953	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
954	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
955	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
956	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
957	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Ngoại	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
958	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
959	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Liên chuyên khoa	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
960	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
961	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
962	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nhi	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
963	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Liên chuyên khoa	1	20.621		20.621	7.733			x	x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguyên khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
964	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
965	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
966	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Liên chuyên khoa	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
967	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
968	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Liên chuyên khoa	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
969	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Bộ phận Nội	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
970	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
971	Giường bệnh kèm tủ đầu giường và bàn ăn	Khoa Sản	1	20.621		20.621	7.733			x	x			
972	Xe đẩy y dụng cụ cấp cứu cao cấp	Khoa Sản	1	30.000		30.000	16.000			x	x			

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Nguyễn Hồng Linh

Ngày 14 tháng 3 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thành Lam